

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CPĐT NAM LONG
NAM LONG INVESTMENT CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 95/2025/TB/HĐQT/NLG
No.: 95/2025/TB/HĐQT/NLG

TP. HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2025
HCMC, 22nd December 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ Name of organization: **CÔNG TY CPĐT NAM LONG / NAM LONG INVESTMENT CORPORATION**

- Mã chứng khoán/ Stock code: NLG
- Địa chỉ/ Address: 06 Nguyễn Khắc Viện, phường Tân Mỹ, TP. HCM
- Điện thoại liên hệ/ Tel.: (028) 5416 1718 Fax: (028) 5417 1819
- E-mail: info@namlongvn.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

- Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
The Board's Resolution regarding approval of the results of the rights issue.
- Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
The Report on results of the public offering of shares.
- Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.
The change of the number of voting shares in circulation.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/12/2025 tại đường dẫn <https://www.namlongvn.com/quan-he-nha-dau-tu/#info-disclosure-section>
This information was published on the company's website on 22/12/2025, as in the link <https://www.namlongvn.com/en/investor-relations/#info-disclosure-section>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết số 49/2025/NQ/HĐQT/NLG;
Resolution no. 49/2025/NQ/HĐQT/NLG;
- Văn bản số 161/2025/CV/NLG;
Document no. 161/2025/CV/NLG;
- Văn bản số 192/2024/TB/NLG.
Document no. 192/2024/TB/NLG.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION



TRẦN THANH PHONG
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT
EXECUTIVE VICE CHAIRMAN



NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (08) 54 16 17 18 Fax: (08) 54 17 18 19 Web: www.namlongvn.com

Số: ~~49~~ / 2025 / NQ/HĐQT/NLG

TP. Hồ Chí Minh, ngày ~~22~~ tháng ~~12~~ năm 2025

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**V/v: Thông qua Báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
cho cổ đông hiện hữu**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long ("**Công ty**") hiện hành;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") số 01/2025/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 19/03/2025 thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (đính kèm Nghị quyết) và một số nội dung khác liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu ("**Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01**");
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 336/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/09/2025;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") số 48a/2025/NQ/HĐQT/NLG ngày 12/12/2025 thông qua kết quả đăng ký, nộp tiền mua cổ phiếu và việc xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 336/GCN-UBCK như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã cổ phiếu: NLG
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 100.119.579 cổ phiếu
5. Giá chào bán: 25.000 đồng/cổ phiếu
6. Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu:
 - Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu: từ ngày 27/10/2025 đến ngày 17/11/2025;

- Thời gian nộp tiền mua cổ phiếu đối với cổ phiếu lẻ, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua ("**Cổ Phiếu Cần Phân Phối**"): từ ngày 15/12/2025 đến ngày 18/12/2025.
7. Ngày kết thúc đợt chào bán: ngày 18/12/2025.
8. Tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối: 100.022.079 cổ phiếu, tương đương 99,9% số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán, trong đó:
- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua từ ngày 27/10/2025 đến ngày 17/11/2025: 97.105.436 cổ phiếu;
 - Số Cổ Phiếu Cần Phân Phối được nộp tiền mua từ ngày 15/12/2025 đến ngày 18/12/2025^(*): 2.916.643 cổ phiếu.
 - Số cổ phiếu còn lại không phân phối hết: 97.500 cổ phiếu, được hủy theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.

() Cổ Phiếu Cần Phân Phối được phân phối lại theo Nghị quyết HĐQT Số 48a/2025/NQ/HĐQT/NLG ngày 12/12/2025 thông qua kết quả đăng ký, nộp tiền mua cổ phiếu và việc xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Danh sách các nhà đầu tư nộp tiền mua Cổ Phiếu Cần Phân Phối được trình bày tại Phụ lục đính kèm.*

Điều 2: Thông qua vốn điều lệ mới của Công ty như sau:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành của Công ty sau đợt chào bán: 485.097.383 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sau đợt chào bán: 485.097.383 cổ phiếu
- Vốn điều lệ mới của Công ty sau đợt chào bán: 4.850.973.830.000 đồng.

Điều 3: Căn cứ ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01, HĐQT thông qua:

- Việc thực hiện các thủ tục báo cáo kết quả đợt chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) tương ứng với nội dung được thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này;
- Việc sửa đổi **Điều 6 – Vốn điều lệ, cổ phần** trong Điều lệ Công ty tương ứng với nội dung được thông qua tại Điều 2 Nghị quyết này;
- Việc thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) tương ứng với nội dung được thông qua tại Điều 2 Nghị quyết này sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu;
- Việc thực hiện các thủ tục để điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) tương ứng với nội dung được thông qua tại Điều 2 Nghị quyết này;
- Việc thực hiện các thủ tục để thay đổi đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) tương ứng với nội dung được thông qua tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4: Giao cho Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật của Công ty - chịu trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo, quyết định việc thực hiện các nội dung có liên quan để đảm bảo việc báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cập nhật thông tin về số lượng cổ phiếu, vốn điều lệ tăng thêm của Công ty được tiến hành đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5: Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan trong Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nghị quyết này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Nơi nhận:

- Các Thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN XUÂN QUANG

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NỘP TIỀN MUA CỔ PHIẾU LẺ VÀ CỔ PHIẾU CHƯA PHÂN PHỐI HẾT TRONG ĐỢT CHÀO BÁN

(Đính kèm Nghị quyết HĐQT số 49/2025/NQ/HĐQT/NLG ngày 22/12/2025 thông qua báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
I	Nhà đầu tư được phân phối lại							
1	Bồ Trọng Nhân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
2	Bùi Quý Trung		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
3	Bùi Thị Minh Ngọc		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
4	Bùi Thị Tuyết Nga		-	4.000	4.000	0,001%	5.500	0,001%
5	Cao Duy Tuấn		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
6	Cao Tấn Thạch		857.185	225.000	1.082.185	0,281%	4.379.054	0,903%
7	Cao Thị Đan Trinh		-	1.300	1.300	0,000%	1.300	0,000%
8	Cao Trần Hoàng Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
9	Chữ Ngọc Đông		4.411.242	50.000	4.461.242	1,159%	4.461.242	0,919%
10	Đàm Trung Hiếu		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
11	Đặng Kỳ Minh		-	4.000	4.000	0,001%	4.526	0,001%
12	Đặng Tấn Hồng Việt		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
13	Đặng Thị Thương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
14	Đặng Thị Thùy Giang		-	4.000	4.000	0,001%	11.900	0,002%
15	Đào Lê Vân		4.172	5.000	9.172	0,002%	25.232	0,005%
16	Đào Thị Thu Hồng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
17	Đào Viên Hạnh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
19	Đình Tuấn Khang		1	8.000	8.001	0,002%	8.008	0,002%
20	Đỗ Thị Như Khoa		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
21	Đỗ Thị Thanh Nga		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
22	Đoàn Kim Quang		4.886	8.000	12.886	0,003%	28.081	0,006%
23	Đoàn Mỹ Quyên		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
24	Đoàn Quốc Dũng		-	6.000	6.000	0,002%	6.000	0,001%
25	Đoàn Thị Hồng		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
26	Đoàn Thị Thu Liên		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
27	Đồng Sơn Hiệp		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
28	Dương Tấn Vinh		26.036	8.000	34.036	0,009%	133.326	0,027%
29	Đường Thị Dung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
30	Dương Thị Kim Thoa		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
31	Dương Thị Thu Thủy		10.400	8.000	18.400	0,005%	58.400	0,012%
32	Dương Thị Thu Trâm		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
33	Hà Đức Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
34	Hà Linh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
35	Hà Phước Phương		721	5.000	5.721	0,001%	8.497	0,002%
36	Hà Văn Sơn Tuấn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
37	Hồ Lê Công Uyên		-	8.000	8.000	0,002%	8.500	0,002%
38	Hồ Thị Bích Thảo		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
39	Hồ Thị Ngọc Hà		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
40	Hồ Văn Trung		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
41	Hoàng Anh Tuấn		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
42	Hoàng Đình Phương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
43	Hoàng Khôi		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
44	Hoàng Thị Mỹ		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
45	Hoàng Thị Như Huyền		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
46	Hứa Khánh Vân		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
47	Huỳnh Bích Ngọc		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
48	Huỳnh Hữu Phương Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
49	Huỳnh Lữ Nhấn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
50	Huỳnh Ngọc Loan		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
51	Huỳnh Tấn Tường		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
52	Huỳnh Thế Đức		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
53	Huỳnh Thị Kiều Giang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
54	Huỳnh Tuấn Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
55	Huỳnh Văn Lộc		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
56	Khuất Hoàng Thiên Trâm		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
57	Khương Thủy Ngự		572	5.000	5.572	0,001%	7.372	0,002%
58	Kiều Thị Thu Hương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
59	La Thị Quỳnh Lê		2.239	5.000	7.239	0,002%	15.853	0,003%
60	Lâm Chí Khái		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
61	Lâm Đức Duy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
62	Lâm Nguyễn Thúy Vy		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
63	Lê Bửu Quynh		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
64	Lê Đình Châu		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
65	Lê Đình Thi		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
66	Lê Đình Thuận		-	8.000	8.000	0,002%	8.041	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
67	Lê Duy Tuấn		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
68	Lê Hoàng Mỹ Thanh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
69	Lê Hoàng Phương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
70	Lê Kiều Mỹ Duyên		-	4.000	4.000	0,001%	4.400	0,001%
71	Lê Minh Thư		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
72	Lê Ngọc Bửu Khoa		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
73	Lê Ngọc Minh Trang		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
74	Lê Nhân Hiến		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
75	Lê Phước Thành		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
76	Lê Quang Dũng		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
77	Lê Quang Hòa		-	4.000	4.000	0,001%	5.100	0,001%
78	Lê Tấn Phước		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
79	Lê Tấn Thắng		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
80	Lê Thảo Trâm		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
81	Lê Thị Cẩm Tú		-	5.200	5.200	0,001%	5.200	0,001%
82	Lê Thị Hồng Em		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
83	Lê Thị Hồng Hạnh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
84	Lê Thị Hồng Vân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
85	Lê Thị Khánh Ly		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
86	Lê Thị Kim Vương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
87	Lê Thị Mỹ Tiên		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
88	Lê Thị Thúy Hằng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
89	Lê Thị Tình		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
90	Lê Thị Trà Giang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
91	Lương Anh Tú		-	8.000	8.000	0,002%	9.500	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
92	Lương Thị Thu Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
93	Lưu Anh Dũng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
94	Lưu Bích Thanh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
95	Lưu Tuyết Ngân		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
96	Lưu Văn Thuyết		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
97	Lý Bửu		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
98	Mai Hoàng Minh Châu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
99	Mai Thị Nhung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
100	Mai Thị Phương Lan		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
101	Mai Tùng Quân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
102	Nghị Hoài Bảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
103	Nghiêm Xuân An		270	8.000	8.270	0,002%	9.310	0,002%
104	Ngô Tấn Trung		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
105	Ngô Thảo Trinh		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
106	Ngô Thị Kim Ngân		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
107	Ngô Thị Ngọc Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
108	Ngũ Thành Vinh		736	8.000	8.736	0,002%	19.570	0,004%
109	Nguyễn Anh Thi		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
110	Nguyễn Anh Tuấn		-	8.000	8.000	0,002%	8.010	0,002%
111	Nguyễn Bảo Toàn		598	4.000	4.598	0,001%	8.900	0,002%
112	Nguyễn Cảnh Cường		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
113	Nguyễn Châu Diệu Ân		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
114	Nguyễn Đăng Khoa		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
115	Nguyễn Đoàn Phương Uy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
116	Nguyễn Đức Đô		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
117	Nguyễn Đức Tuấn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
118	Nguyễn Hàng Mỹ Ái		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
119	Nguyễn Hoài Nam		-	1.000	1.000	0,000%	1.105	0,000%
120	Nguyễn Hoài Thanh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
121	Nguyễn Hoàng Thịnh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
122	Nguyễn Hoàng Vĩnh Viễn		-	45.000	45.000	0,012%	45.000	0,009%
123	Nguyễn Hồng Hải Đăng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
124	Nguyễn Hồng Phượng		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
125	Nguyễn Hồng Trinh		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
126	Nguyễn Hữu Vũ Thành		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
127	Nguyễn Huy Cường		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
128	Nguyễn Khắc Thu		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
129	Nguyễn Lượng Sáng		-	2.000	2.000	0,001%	2.500	0,001%
130	Nguyễn Minh Thùy		624	2.000	2.624	0,001%	5.024	0,001%
131	Nguyễn Ngọc Ánh		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
132	Nguyễn Ngọc Lan Phương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
133	Nguyễn Ngọc Thảo		3.797	5.000	8.797	0,002%	23.402	0,005%
134	Nguyễn Phạm Anh Duy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
135	Nguyễn Phúc Kim		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
136	Nguyễn Quang Phúc		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
137	Nguyễn Quế Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
138	Nguyễn Quốc Toàn		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
139	Nguyễn Sơn Huỳnh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
140	Nguyễn Tấn Duy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
141	Nguyễn Thành Đạt		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
142	Nguyễn Thanh Hương		-	135.000	135.000	0,035%	135.000	0,028%
143	Nguyễn Thanh Nga		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
144	Nguyễn Thanh Tâm		300	8.000	8.300	0,002%	9.464	0,002%
145	Nguyễn Thanh Tùng		-	50.000	50.000	0,013%	50.000	0,010%
146	Nguyễn Thị Ánh Dương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
147	Nguyễn Thị Anh Vĩ		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
148	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		323	8.000	8.323	0,002%	29.766	0,006%
149	Nguyễn Thị Bích Chi		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
150	Nguyễn Thị Bích Hằng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
151	Nguyễn Thị Cẩm Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
152	Nguyễn Thị Giáng Thu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
153	Nguyễn Thị Hằng		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
154	Nguyễn Thị Hoàng Yến		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
155	Nguyễn Thị Hồng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
156	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
157	Nguyễn Thị Hường		1.584	8.000	9.584	0,002%	15.679	0,003%
158	Nguyễn Thị Kiều Diễm		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
159	Nguyễn Thị Lệ Hải		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
160	Nguyễn Thị Lệ Ngân		-	7.000	7.000	0,002%	7.300	0,002%
161	Nguyễn Thị Loan		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
162	Nguyễn Thị Mai		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
163	Nguyễn Thị Mai Trinh		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
164	Nguyễn Thị Minh Trân		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
165	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
166	Nguyễn Thị Ngọc Nga		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
167	Nguyễn Thị Ngọc Nhung		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
168	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
169	Nguyễn Thị Như Hoàng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
170	Nguyễn Thị Phượng		5.117	45.000	50.117	0,013%	69.801	0,014%
171	Nguyễn Thị Phương Hà		234	4.000	4.234	0,001%	5.134	0,001%
172	Nguyễn Thị Phương Kiều		241	2.000	2.241	0,001%	2.971	0,001%
173	Nguyễn Thị Phương Nghi		650	4.000	4.650	0,001%	7.650	0,002%
174	Nguyễn Thị Thanh Dung		-	4.000	4.000	0,001%	6.000	0,001%
175	Nguyễn Thị Thanh Lan		-	4.000	4.000	0,001%	4.300	0,001%
176	Nguyễn Thị Thanh Thảo		13.395	8.000	21.395	0,006%	72.919	0,015%
177	Nguyễn Thị Thảo Trinh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
178	Nguyễn Thị Thu Thủy		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
179	Nguyễn Thị Thuận		2.359	8.000	10.359	0,003%	19.433	0,004%
180	Nguyễn Thị Thùy Linh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
181	Nguyễn Thị Thùy Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
182	Nguyễn Thị Ý Nhi		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
183	Nguyễn Thùy Dương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
184	Nguyễn Thụy Hoài Hương		703	8.000	8.703	0,002%	11.407	0,002%
185	Nguyễn Thùy Ngân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
186	Nguyễn Trọng Hải		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
187	Nguyễn Trọng Hiếu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
188	Nguyễn Trung Nam		707	8.000	8.707	0,002%	14.429	0,003%
189	Nguyễn Văn Nhân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
190	Nguyễn Văn Tâm		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
191	Nguyễn Viết Cường		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
192	Nguyễn Viết Khánh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
193	Nguyễn Viết Quốc		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
194	Phạm Hồng Đạt		-	4.000	4.000	0,001%	4.500	0,001%
195	Phạm Khánh Cẩm Nhung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
196	Phạm Ngọc Thủy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
197	Phạm Thanh Nguyệt		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
198	Phạm Thị Hồng Lợi		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
199	Phạm Thị Huyền Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
200	Phạm Thị Mai Linh		78	1.000	1.078	0,000%	1.400	0,000%
201	Phạm Thị Minh Kha		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
202	Phạm Thị Tổ Sương		2.900	10.000	12.900	0,003%	24.057	0,005%
203	Phạm Thị Xuân		-	8.000	8.000	0,002%	9.000	0,002%
204	Phạm Trung Quân		626	8.000	8.626	0,002%	11.036	0,002%
205	Phạm Tuấn Việt		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
206	Phạm Văn Hường		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
207	Phan Đình Diệu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
208	Phan Thanh Triều		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
209	Phan Thị Hiền		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
210	Trần Đỗ Quốc Trung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
211	Trần Đoàn Khánh Ly		-	8.000	8.000	0,002%	8.007	0,002%
212	Trần Đức Quang		615	8.000	8.615	0,002%	10.983	0,002%
213	Trần Minh Hiếu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
214	Trần Minh Ngọc Thu		-	50.000	50.000	0,013%	50.000	0,010%
215	Trần Ngọc Kim Trúc		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
216	Trần Nguyễn Phương Trâm		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
217	Trần Nguyễn Thiên Ngân		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
218	Trần Quốc Thắng		2.394	8.000	10.394	0,003%	19.604	0,004%
219	Trần Tấn Phú		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
220	Trần Thanh Phong		4.077.775	1.108.643	5.186.418	1,347%	20.870.168	4,301%
221	Trần Thảo Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
222	Trần Thị Diệu Thúy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
223	Trần Thị Hải Đường		7.410	12.000	19.410	0,005%	43.910	0,009%
224	Trần Thị Ngọc Oanh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
225	Trần Thị Phước Hằng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
226	Trần Thị Thanh Trâm		2.506	5.000	7.506	0,002%	17.148	0,004%
227	Trần Thị Thu Thủy		-	18.000	18.000	0,005%	18.000	0,004%
228	Trần Thị Thùy Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
229	Trần Thị Tuấn Tú		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
230	Trần Thiên Lý		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
231	Trần Thu Hằng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
232	Trần Trọng Khôi		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
233	Trần Văn Hà		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
234	Trần Văn Nhã		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
235	Trần Văn Thị		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
236	Trần Văn Toàn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
237	Trần Vĩnh Kim Long		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
238	Trần Xuân Thúy Vi		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
239	Trịnh Thị Hiền		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
240	Trương Công Nghĩa		1.758	8.000	9.758	0,003%	16.523	0,003%
241	Trương Quang Định		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
242	Trương Thanh Tùng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
243	Trương Thị Ngọc Tuyết		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
244	Trương Trúc Ny		-	2.500	2.500	0,001%	2.500	0,001%
245	Từ Minh Trang		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
246	Võ Đăng Quang		832	8.000	8.832	0,002%	8.832	0,002%
247	Võ Hoài Vũ		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
248	Võ Thùy Bảo Ngân		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
249	Võ Văn Anh Khoa		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
250	Vũ Thị Hoài		-	8.000	8.000	0,002%	8.600	0,002%
251	Vũ Thị Huệ		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
252	Vũ Thị Mỹ Hạnh		120.000	24.000	144.000	0,037%	144.000	0,030%
253	Vũ Thị Thu Hà		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
254	Vũ Thiện Phú		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
255	Vương Bảo Long		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
II	Người có liên quan của Nhà đầu tư được phân phối lại							
1	Ngô Thị Ngọc Liễu		0	0	0	0,000%	700.000	0,144%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
2	Cao Duy Thông		520.000	0	520.000	0,135%	1.820.003	0,375%
3	Trần Trương Đoan Thục		42.833	0	42.833	0,011%	207.577	0,043%
4	Kenneth Michael Atkinson		5.610	0	5.610	0,001%	27.190	0,006%
5	Chad Ryan Ovel		13.000	0	13.000	0,003%	63.000	0,013%
III	Thông tin của Nhà đầu tư được phân phối lại và Người có liên quan trong đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất							
1	Nguyễn Thụy Hoài Hương		2.704			0,001%		0,001%
2	Trần Đức Quang		1.161			0,000%		0,000%
3	Trần Thị Thanh Trâm		2.410			0,001%		0,000%
4	Trần Quốc Thắng		9.210			0,002%		0,002%
5	Nguyễn Trung Nam		2.722			0,001%		0,001%
6	La Thị Quỳnh Lê		2.722			0,001%		0,001%
7	Nguyễn Thanh Tâm		1.161			0,000%		0,000%
8	Phạm Trung Quân		2.410			0,001%		0,000%
9	Nguyễn Thị Thuận		2.722			0,001%		0,001%
10	Nguyễn Anh Tuấn		11.352			0,003%		0,002%
11	Nguyễn Thị Hường		6.095			0,002%		0,001%
12	Nguyễn Ngọc Thảo		1.161			0,000%		0,000%
13	Đào Lê Vân		2.722			0,001%		0,001%
14	Trần Thị Hải Đường		3.865			0,001%		0,001%
15	Ngũ Thành Vinh		2.722			0,001%		0,001%
16	Dương Tấn Vinh		15.383			0,004%		0,003%
17	Trương Công Nghĩa		6.765			0,002%		0,001%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
18	Nguyễn Thị Thanh Thảo		7.657			0,002%		0,002%
19	Nguyễn Thị Phương		19.635			0,005%		0,004%
20	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		1.195			0,000%		0,000%
21	Cao Tấn Thạch		8.680			0,002%		0,002%
	Tổng cộng		10.261.883	2.916.643	13.064.072	3,422%	34.705.144	7,176%





NAM LONG

NAM LONG INVESTMENT CORPORATION

6 Nguyen Khac Vien St., Tan Phu Ward, District 7, HCMC, Vietnam

Tel: (08) 54 16 17 18 Fax: (08) 54 17 18 19 Web: www.namlongvn.com

No.: ~~49~~/2025/NQ/HDQT/NLG

Ho Chi Minh City, 22nd Dec 2025

RESOLUTIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Ref: Approval of the Report on the results of the rights issue

Pursuant to:

- Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;
- Law on Securities No. 54/2019/QH14 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;
- Charter of Nam Long Investment Corporation (the "**Company**");
- Resolutions of the General Meeting of Shareholders (the "**GMS**") No. 01/2025/NQ/DHDCD/NLG dated March 19, 2025 approving the rights issue plan and the plan to use capital obtained from the rights issue (attached to the Resolutions) and other contents related to the rights issue ("**GMS Resolutions No. 01**");
- Certificate of Registration for Additional Public Offering of Shares No. 336/GCN-UBCK dated September 30, 2025, issued by the Chairman of the State Securities Commission;
- Resolutions of the Board of Directors ("**BOD**") No. 48a/2025/NQ/HDQT/NLG dated December 12, 2025 approving the results of registration, payment for subscription of shares and the handling of the undistributed shares in the public offering of shares;

**THE BOARD OF DIRECTORS OF
NAM LONG INVESTMENT CORPORATION
RESOLVED**

Article 1: Approve the Report on the results of the rights issue of the Company pursuant to the Certificate of Registration for Additional Public Offering of Shares No. 336/GCN-UBCK as follows:

1. Share name: Shares of Nam Long Investment Corporation
2. Type of share: Common shares
3. Ticker symbol: NLG
4. Number of shares registered for offering: 100,119,579 shares
5. Offering price: 25,000 VND/share
6. Time period for registration and payment for subscription of shares:

- Time period for registration and payment for subscription of shares by existing shareholders and transferees of rights from existing shareholders: from October 27, 2025 to November 17, 2025;
 - Time period for payment for subscription of odd shares, shares that investors did not register to buy or pay for subscription ("**Shares To Be Distributed**") from December 15, 2025 to December 18, 2025.
7. Completion date of the offering: December 18, 2025.
8. Total number of shares distributed: 100,002,079 shares, equivalent to 99.9% of the number of shares registered for offering, of which:
- The number of shares that the existing shareholders and transferees of the rights from existing shareholders registered and paid for subscription: from October 27, 2025 to November 17, 2025: 97,105,436 shares;
 - The number of Shares To Be Distributed that was paid for subscription from December 15, 2025 to December 18, 2025 (*): 2,916,643 shares.
 - The remaining undistributed shares: 97,500 shares, which are cancelled in accordance with General Meeting of Shareholders Resolution No. 01.

() Shares To Be Distributed were redistributed according to BOD Resolutions No. 48a/2025/NQ/HDQT/NLG dated December 12, 2025 approving the results of registration, payment for subscription of shares and the handling of the undistributed shares in the public offering of shares. The List of investors who paid for subscription of the Shares To Be Distributed is presented in the attached Appendix.*

Article 2: Approve the new charter capital of the Company as follows:

- Total issued shares of the Company after the offering: 485,097,383 shares;
- Total outstanding shares of the Company after the offering: 485,097,383 shares;
- The new charter capital of the Company after the offering: VND 4,850,973,830,000

Article 3: Pursuant to the authorization of the GMS in GMS Resolutions No. 01, the BOD approved:

- The implementation of procedures for reporting the results of the rights issue with the State Securities Commission and other competent state agencies (if any) corresponding to the approved contents in Article 1 of these Resolutions;
- The amendment of **Article 6 – Charter capital, shares** in the Company's Charter corresponding to the approved contents in Article 2 of these Resolutions;
- The implementation of procedures for registration of changes in the company's enterprise registration contents at the Department of Finance of Ho Chi Minh City and other competent state agencies (if any) corresponding to the approved contents in Article 2 of these Resolutions, after the State Securities Commission has notified its receipt of the report on the results of the share issuance;
- The implementation of procedures to adjust information on the number of securities registered at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and other competent state agencies (if any) corresponding to the approved contents in Article 2 of these Resolutions;

- The implementation of procedures for changing the listing registration at the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) and other competent state agencies (if any) corresponding to the approved contents in Article 2 of these Resolutions.

Article 4: Assign the BOD Chairman - the Company's legal representative - to be responsible for presiding over, directing, and deciding on the implementation of relevant contents to ensure that the report of the results of the rights issue and the update on the additional number of shares and charter capital of the Company are conducted in accordance with legal regulations and the Company's Charter.

Article 5: The BOD members, Board of Management and other relevant Departments in the Company have obligations to deploy these Resolutions.

Article 6: These Resolutions shall take effect from the signing date. These Resolutions are made in Vietnamese and English, in case of any discrepancies, the Vietnamese version shall prevail.

Recipients:

- Members of BOD;
- Board of Management;
- BOD Office for archival.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN



NGUYEN XUAN QUANG

APPENDIX

LIST OF INVESTORS WHO PAID FOR SUBSCRIPTION OF ODD SHARES AND UNDISTRIBUTED SHARES IN THE RIGHTS ISSUE

(Attached to BOD Resolutions No. 49/2025/NQ/HĐQT/NLG dated 22/12/2025 approving the Report on the results of the rights issue)

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
I	Redistributed Investors							
1	Bồ Trọng Nhân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
2	Bùi Quý Trung		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
3	Bùi Thị Minh Ngọc		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
4	Bùi Thị Tuyết Nga		-	4,000	4,000	0.001%	5,500	0.001%
5	Cao Duy Tuấn		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
6	Cao Tấn Thạch		857,185	225,000	1,082,185	0.281%	4,379,054	0.903%
7	Cao Thị Đan Trinh		-	1,300	1,300	0.000%	1,300	0.000%
8	Cao Trần Hoàng Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
9	Chữ Ngọc Đông		4,411,242	50,000	4,461,242	1.159%	4,461,242	0.919%
10	Đàm Trung Hiếu		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
11	Đặng Kỳ Minh		-	4,000	4,000	0.001%	4,526	0.001%
12	Đặng Tấn Hồng Việt		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
13	Đặng Thị Thương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
14	Đặng Thị Thùy Giang		-	4,000	4,000	0.001%	11,900	0.002%
15	Đào Lê Văn		4,172	5,000	9,172	0.002%	25,232	0.005%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
16	Đào Thị Thu Hồng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
17	Đào Viên Hạnh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
18	Đinh Tấn Trện		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
19	Đinh Tuấn Khang		1	8,000	8,001	0.002%	8,008	0.002%
20	Đỗ Thị Như Khoa		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
21	Đỗ Thị Thanh Nga		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
22	Đoàn Kim Quang		4,886	8,000	12,886	0.003%	28,081	0.006%
23	Đoàn Mỹ Quyên		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
24	Đoàn Quốc Dũng		-	6,000	6,000	0.002%	6,000	0.001%
25	Đoàn Thị Hồng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
26	Đoàn Thị Thu Liên		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
27	Đồng Sơn Hiệp		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
28	Dương Tấn Vinh		26,036	8,000	34,036	0.009%	133,326	0.027%
29	Đường Thị Dung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
30	Dương Thị Kim Thoa		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
31	Dương Thị Thu Thủy		10,400	8,000	18,400	0.005%	58,400	0.012%
32	Dương Thị Thu Trâm		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
33	Hà Đức Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
34	Hà Linh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
35	Hà Phước Phương		721	5,000	5,721	0.001%	8,497	0.002%
36	Hà Văn Sơn Tuấn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
37	Hồ Lê Công Uyên		-	8,000	8,000	0.002%	8,500	0.002%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
38	Hồ Thị Bích Thảo		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
39	Hồ Thị Ngọc Hà		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
40	Hồ Văn Trung		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
41	Hoàng Anh Tuấn		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
42	Hoàng Đình Phương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
43	Hoàng Khôi		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
44	Hoàng Thị Mỹ		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
45	Hoàng Thị Như Huyền		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
46	Hứa Khánh Vân		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
47	Huỳnh Bích Ngọc		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
48	Huỳnh Hữu Phương Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
49	Huỳnh Lư Nhấn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
50	Huỳnh Ngọc Loan		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
51	Huỳnh Tấn Tường		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
52	Huỳnh Thế Đức		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
53	Huỳnh Thị Kiều Giang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
54	Huỳnh Tuấn Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
55	Huỳnh Văn Lộc		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
56	Khuất Hoàng Thiên Trâm		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
57	Khương Thủy Ngự		572	5,000	5,572	0.001%	7,372	0.002%
58	Kiều Thị Thu Hương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
59	La Thị Quỳnh Lê		2,239	5,000	7,239	0.002%	15,853	0.003%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
60	Lâm Chí Khái		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
61	Lâm Đức Duy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
62	Lâm Nguyễn Thúy Vy		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
63	Lê Bửu Quyến		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
64	Lê Đình Châu		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
65	Lê Đình Thi		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
66	Lê Đình Thuận		-	8,000	8,000	0.002%	8,041	0.002%
67	Lê Duy Tuấn		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
68	Lê Hoàng Mỹ Thanh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
69	Lê Hoàng Phương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
70	Lê Kiều Mỹ Duyên		-	4,000	4,000	0.001%	4,400	0.001%
71	Lê Minh Thư		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
72	Lê Ngọc Bửu Khoa		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
73	Lê Ngọc Minh Trang		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
74	Lê Nhân Hiến		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
75	Lê Phước Thành		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
76	Lê Quang Dũng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
77	Lê Quang Hòa		-	4,000	4,000	0.001%	5,100	0.001%
78	Lê Tấn Phước		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
79	Lê Tấn Thắng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
80	Lê Thảo Trâm		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
81	Lê Thị Cẩm Tú		-	5,200	5,200	0.001%	5,200	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
82	Lê Thị Hồng Em		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
83	Lê Thị Hồng Hạnh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
84	Lê Thị Hồng Vân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
85	Lê Thị Khánh Ly		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
86	Lê Thị Kim Vương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
87	Lê Thị Mỹ Tiên		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
88	Lê Thị Thúy Hằng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
89	Lê Thị Tinh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
90	Lê Thị Trà Giang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
91	Lương Anh Tú		-	8,000	8,000	0.002%	9,500	0.002%
92	Lương Thị Thu Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
93	Lưu Anh Dũng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
94	Lưu Bích Thanh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
95	Lưu Tuyết Ngân		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
96	Lưu Văn Thuyết		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
97	Lý Bửu		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
98	Mai Hoàng Minh Châu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
99	Mai Thị Nhung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
100	Mai Thị Phương Lan		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
101	Mai Tùng Quân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
102	Nghị Hoài Bảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
103	Nghiêm Xuân An		270	8,000	8,270	0.002%	9,310	0.002%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
104	Ngô Tấn Trung		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
105	Ngô Thảo Trinh		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
106	Ngô Thị Kim Ngân		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
107	Ngô Thị Ngọc Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
108	Ngũ Thành Vinh		736	8,000	8,736	0.002%	19,570	0.004%
109	Nguyễn Anh Thi		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
110	Nguyễn Anh Tuấn		-	8,000	8,000	0.002%	8,010	0.002%
111	Nguyễn Bảo Toàn		598	4,000	4,598	0.001%	8,900	0.002%
112	Nguyễn Cảnh Cường		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
113	Nguyễn Châu Diệu Ân		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
114	Nguyễn Đăng Khoa		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
115	Nguyễn Đoàn Phương Uyên		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
116	Nguyễn Đức Đô		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
117	Nguyễn Đức Tuấn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
118	Nguyễn Hàng Mỹ Ái		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
119	Nguyễn Hoài Nam		-	1,000	1,000	0.000%	1,105	0.000%
120	Nguyễn Hoài Thanh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
121	Nguyễn Hoàng Thịnh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
122	Nguyễn Hoàng Vĩnh Viễn		-	45,000	45,000	0.012%	45,000	0.009%
123	Nguyễn Hồng Hải Đăng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
124	Nguyễn Hồng Phượng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
125	Nguyễn Hồng Trinh		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
126	Nguyễn Hữu Vũ Thành		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
127	Nguyễn Huy Cường		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
128	Nguyễn Khắc Thu		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
129	Nguyễn Lượng Sáng		-	2,000	2,000	0.001%	2,500	0.001%
130	Nguyễn Minh Thùy		624	2,000	2,624	0.001%	5,024	0.001%
131	Nguyễn Ngọc Ánh		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
132	Nguyễn Ngọc Lan Phương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
133	Nguyễn Ngọc Thảo		3,797	5,000	8,797	0.002%	23,402	0.005%
134	Nguyễn Phạm Anh Duy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
135	Nguyễn Phúc Kim		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
136	Nguyễn Quang Phúc		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
137	Nguyễn Quế Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
138	Nguyễn Quốc Toàn		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
139	Nguyễn Sơn Huỳnh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
140	Nguyễn Tấn Duy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
141	Nguyễn Thành Đạt		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
142	Nguyễn Thanh Hương		-	135,000	135,000	0.035%	135,000	0.028%
143	Nguyễn Thanh Nga		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
144	Nguyễn Thanh Tâm		300	8,000	8,300	0.002%	9,464	0.002%
145	Nguyễn Thanh Tùng		-	50,000	50,000	0.013%	50,000	0.010%
146	Nguyễn Thị Ánh Dương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
147	Nguyễn Thị Anh Vĩ		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
148	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		323	8,000	8,323	0.002%	29,766	0.006%
149	Nguyễn Thị Bích Chi		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
150	Nguyễn Thị Bích Hằng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
151	Nguyễn Thị Cẩm Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
152	Nguyễn Thị Giáng Thu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
153	Nguyễn Thị Hằng		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
154	Nguyễn Thị Hoàng Yến		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
155	Nguyễn Thị Hồng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
156	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
157	Nguyễn Thị Hường		1,584	8,000	9,584	0.002%	15,679	0.003%
158	Nguyễn Thị Kiều Diễm		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
159	Nguyễn Thị Lệ Hải		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
160	Nguyễn Thị Lệ Ngân		-	7,000	7,000	0.002%	7,300	0.002%
161	Nguyễn Thị Loan		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
162	Nguyễn Thị Mai		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
163	Nguyễn Thị Mai Trinh		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
164	Nguyễn Thị Minh Trân		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
165	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
166	Nguyễn Thị Ngọc Nga		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
167	Nguyễn Thị Ngọc Nhung		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
168	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
169	Nguyễn Thị Như Hoàng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
170	Nguyễn Thị Phương		5,117	45,000	50,117	0.013%	69,801	0.014%
171	Nguyễn Thị Phương Hà		234	4,000	4,234	0.001%	5,134	0.001%
172	Nguyễn Thị Phương Kiều		241	2,000	2,241	0.001%	2,971	0.001%
173	Nguyễn Thị Phương Nghi		650	4,000	4,650	0.001%	7,650	0.002%
174	Nguyễn Thị Thanh Dung		-	4,000	4,000	0.001%	6,000	0.001%
175	Nguyễn Thị Thanh Lan		-	4,000	4,000	0.001%	4,300	0.001%
176	Nguyễn Thị Thanh Thảo		13,395	8,000	21,395	0.006%	72,919	0.015%
177	Nguyễn Thị Thảo Trinh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
178	Nguyễn Thị Thu Thủy		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
179	Nguyễn Thị Thuận		2,359	8,000	10,359	0.003%	19,433	0.004%
180	Nguyễn Thị Thùy Linh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
181	Nguyễn Thị Thùy Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
182	Nguyễn Thị Ý Nhi		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
183	Nguyễn Thùy Dương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
184	Nguyễn Thụy Hoài Hương		703	8,000	8,703	0.002%	11,407	0.002%
185	Nguyễn Thùy Ngân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
186	Nguyễn Trọng Hải		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
187	Nguyễn Trọng Hiếu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
188	Nguyễn Trung Nam		707	8,000	8,707	0.002%	14,429	0.003%
189	Nguyễn Văn Nhân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
190	Nguyễn Văn Tâm		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
191	Nguyễn Viết Cường		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
192	Nguyễn Viết Khánh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
193	Nguyễn Viết Quốc		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
194	Phạm Hồng Đạt		-	4,000	4,000	0.001%	4,500	0.001%
195	Phạm Khánh Cẩm Nhung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
196	Phạm Ngọc Thủy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
197	Phạm Thanh Nguyệt		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
198	Phạm Thị Hồng Lợi		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
199	Phạm Thị Huyền Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
200	Phạm Thị Mai Linh		78	1,000	1,078	0.000%	1,400	0.000%
201	Phạm Thị Minh Kha		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
202	Phạm Thị Tố Sương		2,900	10,000	12,900	0.003%	24,057	0.005%
203	Phạm Thị Xuân		-	8,000	8,000	0.002%	9,000	0.002%
204	Phạm Trung Quân		626	8,000	8,626	0.002%	11,036	0.002%
205	Phạm Tuấn Việt		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
206	Phạm Văn Hường		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
207	Phan Đình Diệu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
208	Phan Thanh Triều		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
209	Phan Thị Hiền		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
210	Trần Đỗ Quốc Trung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
211	Trần Đoàn Khánh Ly		-	8,000	8,000	0.002%	8,007	0.002%
212	Trần Đức Quang		615	8,000	8,615	0.002%	10,983	0.002%
213	Trần Minh Hiếu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
214	Trần Minh Ngọc Thu		-	50,000	50,000	0.013%	50,000	0.010%
215	Trần Ngọc Kim Trúc		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
216	Trần Nguyễn Phương Trâm		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
217	Trần Nguyễn Thiên Ngân		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
218	Trần Quốc Thắng		2,394	8,000	10,394	0.003%	19,604	0.004%
219	Trần Tấn Phú		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
220	Trần Thanh Phong		4,077,775	1,108,643	5,186,418	1.347%	20,870,168	4.301%
221	Trần Thảo Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
222	Trần Thị Diệu Thúy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
223	Trần Thị Hải Đường		7,410	12,000	19,410	0.005%	43,910	0.009%
224	Trần Thị Ngọc Oanh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
225	Trần Thị Phước Hằng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
226	Trần Thị Thanh Trâm		2,506	5,000	7,506	0.002%	17,148	0.004%
227	Trần Thị Thu Thủy		-	18,000	18,000	0.005%	18,000	0.004%
228	Trần Thị Thùy Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
229	Trần Thị Tuấn Tú		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
230	Trần Thiên Lý		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
231	Trần Thu Hằng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
232	Trần Trọng Khôi		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
233	Trần Văn Hà		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
234	Trần Văn Nhã		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
235	Trần Văn Thị		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
236	Trần Văn Toàn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
237	Trần Vĩnh Kim Long		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
238	Trần Xuân Thúy Vi		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
239	Trịnh Thị Hiền		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
240	Trương Công Nghĩa		1,758	8,000	9,758	0.003%	16,523	0.003%
241	Trương Quang Định		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
242	Trương Thanh Tùng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
243	Trương Thị Ngọc Tuyết		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
244	Trương Trúc Ný		-	2,500	2,500	0.001%	2,500	0.001%
245	Từ Minh Trang		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
246	Võ Đăng Quang		832	8,000	8,832	0.002%	8,832	0.002%
247	Võ Hoài Vũ		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
248	Võ Thùy Bảo Ngân		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
249	Võ Văn Anh Khoa		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
250	Vũ Thị Hoài		-	8,000	8,000	0.002%	8,600	0.002%
251	Vũ Thị Huệ		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
252	Vũ Thị Mỹ Hạnh		120,000	24,000	144,000	0.037%	144,000	0.030%
253	Vũ Thị Thu Hà		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
254	Vũ Thiện Phú		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
255	Vương Bảo Long		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
II	Related Persons of the Redistributed Investors							
1	Ngô Thị Ngọc Liễu		0	0	0	0.000%	700,000	0.144%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
2	Cao Duy Thông		520,000	0	520,000	0.135%	1,820,003	0.375%
3	Trần Trương Đoàn Thục		42,833	0	42,833	0.011%	207,577	0.043%
4	Kenneth Michael Atkinson		5,610	0	5,610	0.001%	27,190	0.006%
5	Chad Ryan Ovel		13,000	0	13,000	0.003%	63,000	0.013%
III	Information of the Redistributed Investors and their Related Persons in the offerings or issuances in the last 12 months							
1	Nguyễn Thụy Hoài Hương		2,704			0.001%		0.001%
2	Trần Đức Quang		1,161			0.000%		0.000%
3	Trần Thị Thanh Trâm		2,410			0.001%		0.000%
4	Trần Quốc Thắng		9,210			0.002%		0.002%
5	Nguyễn Trung Nam		2,722			0.001%		0.001%
6	La Thị Quỳnh Lê		2,722			0.001%		0.001%
7	Nguyễn Thanh Tâm		1,161			0.000%		0.000%
8	Phạm Trung Quân		2,410			0.001%		0.000%
9	Nguyễn Thị Thuận		2,722			0.001%		0.001%
10	Nguyễn Anh Tuấn		11,352			0.003%		0.002%
11	Nguyễn Thị Hường		6,095			0.002%		0.001%
12	Nguyễn Ngọc Thảo		1,161			0.000%		0.000%
13	Đào Lê Văn		2,722			0.001%		0.001%
14	Trần Thị Hải Đường		3,865			0.001%		0.001%
15	Ngũ Thành Vinh		2,722			0.001%		0.001%
16	Dương Tấn Vinh		15,383			0.004%		0.003%
17	Trương Công Nghĩa		6,765			0.002%		0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
18	Nguyễn Thị Thanh Thảo		7,657			0.002%		0.002%
19	Nguyễn Thị Phương		19,635			0.005%		0.004%
20	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		1,195			0.000%		0.000%
21	Cao Tấn Thạch		8,680			0.002%		0.002%
	Total		10,261,883	2,916,643	13,064,072	3.422%	34,705,144	7.176%

Số: ~~161~~/2025/CV/NLG

TP.HCM, ngày ~~22~~ tháng ~~12~~ năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 336/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/09/2025)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long
2. Tên viết tắt: NLG CORP.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
4. Số điện thoại: (028) 5416 1718 Số fax: (028) 5417 1819
Website: www.namlongvn.com
5. Vốn điều lệ: 3.850.753.040.000 đồng (Ba nghìn tám trăm năm mươi tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).
6. Mã cổ phiếu: NLG
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Tân Sài Gòn
Số hiệu tài khoản: 1168796879
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 0301438936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 08/10/2025.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê – Mã ngành: 6810
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh bất động sản
9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 100.119.579 cổ phiếu, trong đó:

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đồng/ cổ phiếu)	Số cổ phiếu chào bán	Số cổ phiếu được đăng ký mua	Số cổ phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng	25.000	100.119.579	97.105.436	97.105.436	11.698	11.698	0	3.014.143	96,99%
2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết(*)	25.000	3.014.143	3.014.143	2.916.643	255	255	27	97.500	2,91%
Tổng số		100.119.579	100.119.579	100.022.079	11.953	11.953	27	97.500	99,90%
1. Nhà đầu tư trong nước	25.000	53.813.399	55.281.912 (1)	55.184.412	11.758	11.758	27	(1.371.013) (2)	55,12%
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	25.000	46.306.180	44.837.667	44.837.667	195	195	0	1.468.513	44,78%
Tổng số		100.119.579	100.119.579	100.022.079	11.953	11.953	27	97.500	99,90%

- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 100.119.579 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: Không có.
4. Giá chào bán: 25.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 2.502.989.475.000 đồng, trong đó:
- Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 2.502.989.475.000 đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: Không có.
6. Phương thức phân phối: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo hình thức thực hiện quyền mua theo phương án chi tiết tại Bản cáo bạch. Trong đó, tỷ lệ thực hiện quyền 100:26 (tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng với 01 quyền, 100 quyền được mua 26 cổ phiếu mới).
7. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền:
- Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu: từ ngày 27/10/2025 đến ngày 17/11/2025;
 - Thời gian nộp tiền mua cổ phiếu đối với cổ phiếu lẻ, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua ("**Cổ Phiếu Cần Phân Phối**"): từ ngày 15/12/2025 đến ngày 18/12/2025.
8. Ngày kết thúc đợt chào bán: ngày 18/12/2025
9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong Quý 4/2025 – Quý 1/2026, sau khi Công ty hoàn tất điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và thay đổi đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) để ghi nhận số cổ phiếu phát hành thêm.

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

- (1) và (2) Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư trong nước đăng ký mua là 55.281.912 cổ phiếu, nhiều hơn số lượng cổ phiếu chào bán 1.371.013 cổ phiếu, do:
- Số lượng cổ phiếu được phân phối lại cho nhà đầu tư trong nước do nhà đầu tư nước ngoài không thực hiện mua: 1.468.513 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu được phân phối lại cho nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư trong nước không thực hiện mua: 97.500 cổ phiếu

(*) Số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ ("**Cổ Phiếu Cần Phân Phối**") được phân phối lại theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Số 48a/2025/NQ/HDQT/NLG ngày 12/12/2025 thông qua kết quả đăng ký, nộp tiền mua cổ phiếu và việc xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Danh sách các nhà đầu tư nộp tiền mua Cổ Phiếu Cần Phân Phối được trình bày tại Phụ lục đính kèm.

- Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nêu kết quả phân phối cổ phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (*số lượng, giá, trường hợp có tổ hợp bảo lãnh thì nêu từng tổ chức*): Không có bảo lãnh phát hành.
- Trường hợp phân phối số cổ phiếu còn lại cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định:
Thông tin về (i) số cổ phiếu, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất và (ii) tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán được nêu tại Danh sách các nhà đầu tư nộp tiền mua Cổ Phiếu Cần Phân Phối tại Phụ lục đính kèm.

IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 100.022.079 cổ phiếu, tương ứng 99,9% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành: 100.022.079 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: Không có.
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 2.500.661.513.039 đồng^(**), trong đó:
 - Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: 2.500.661.513.039 đồng;
 - Tổng số tiền của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: Không có.

(**) Theo Giấy xác nhận số dư tiền trong tài khoản phong tỏa do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày/12/2025, số dư tiền tại cuối ngày kết thúc đợt chào bán là 2.500.661.513.039 đồng, bao gồm các khoản sau:

Số dư tiền tại cuối ngày kết thúc đợt chào bán (cuối ngày 18/12/2025)	(1)	2.500.661.513.039 đồng
Số dư ban đầu tại cuối ngày liền trước ngày bắt đầu nộp tiền đăng ký mua CP (cuối ngày 26/10/2025)	(2)	0 đồng

Tiền lãi ngân hàng phát sinh trong giai đoạn nộp tiền đăng ký mua CP (từ ngày 27/10/2025 đến ngày 18/12/2025)	(3)	16.849.057 đồng
Số tiền cổ đông đăng ký mua và chuyển tiền mua không hợp lệ (Công ty sẽ hoàn trả khi được giải tỏa tài khoản phong tỏa)	(4)	93.850.000 đồng
Số tiền thu được từ đợt chào bán	(5)=(1)-(2)-(3)-(4)	2.500.550.813.982 đồng

3. Tổng chi phí: 964.700.000 đồng.

- Phí bảo lãnh phát hành: Không có.
- Phí phân phối cổ phiếu: Không có.
- Phí kiểm toán: 43.200.000 đồng.
- Phí tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán thêm CP ra công chúng: 880.000.000 đồng.
- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm CP ra công chúng: 25.000.000 đồng.
- Phí chốt danh sách cổ đông: 15.400.000 đồng.
- Phí chuyển tiền phát sinh khi VSDC chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu: 1.100.000 đồng

(Các chi phí trên đã bao gồm thuế GTGT)

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 2.499.586.113.982 đồng.

V. CƠ CẤU VỐN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH SAU ĐỢT CHÀO BÁN

1. Cơ cấu vốn

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài				
1	Trong nước	23.411	266.049.615	2.660.496.150.000	54,84%
1.1	Nhà nước	-	-	-	-
1.2	Tổ chức	102	86.414.233	864.142.330.000	17,81%
1.3	Cá nhân	23.309	179.635.382	1.796.353.820.000	37,03%
2	Nước ngoài	292	219.047.768	2.190.477.680.000	45,16%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	134	216.736.466	2.167.364.660.000	44,68%
2.2	Cá nhân	158	2.311.302	23.113.020.000	0,48%
	Tổng cộng (1 + 2)	23.703	485.097.383	4.850.973.830.000	100%

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
II	Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác				
1	Cổ đông lớn	1	38.150.588	381.505.880.000	7,86%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	23.702	446.946.795	4.469.467.950.000	92,14%
	Tổng cộng	23.703	485.097.383	4.850.973.830.000	100%

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Thẻ căn cước công dân	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Xuân Quang		38.150.588	7,86%

VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

- Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Số 48a/2025/NQ/HDQT/NLG ngày 12/12/2025 thông qua kết quả đăng ký, nộp tiền mua cổ phiếu và việc xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Số ~~49~~./2025/NQ/HDQT/NLG ngày ~~22~~./12/2025 thông qua Báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu: VP.HDQT

TP.HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN XUÂN QUANG

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NỘP TIỀN MUA CỔ PHIẾU LẺ VÀ CỔ PHIẾU CHƯA PHÂN PHỐI HẾT TRONG ĐỢT CHÀO BÁN

(Đính kèm Nghị quyết HĐQT số 49/2025/NQ/HĐQT/NLG ngày 22/12/2025 thông qua báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
I	Nhà đầu tư được phân phối lại							
1	Bồ Trọng Nhân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
2	Bùi Quý Trung		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
3	Bùi Thị Minh Ngọc		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
4	Bùi Thị Tuyết Nga		-	4.000	4.000	0,001%	5.500	0,001%
5	Cao Duy Tuấn		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
6	Cao Tấn Thạch		857.185	225.000	1.082.185	0,281%	4.379.054	0,903%
7	Cao Thị Đan Trinh		-	1.300	1.300	0,000%	1.300	0,000%
8	Cao Trần Hoàng Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
9	Chữ Ngọc Đông		4.411.242	50.000	4.461.242	1,159%	4.461.242	0,919%
10	Đàm Trung Hiếu		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
11	Đặng Kỳ Minh		-	4.000	4.000	0,001%	4.526	0,001%
12	Đặng Tấn Hồng Việt		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
13	Đặng Thị Thương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
14	Đặng Thị Thùy Giang		-	4.000	4.000	0,001%	11.900	0,002%
15	Đào Lê Vân		4.172	5.000	9.172	0,002%	25.232	0,005%
16	Đào Thị Thu Hồng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
17	Đào Viên Hạnh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
19	Đinh Tuấn Khang		1	8.000	8.001	0,002%	8.008	0,002%
20	Đỗ Thị Như Khoa		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
21	Đỗ Thị Thanh Nga		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
22	Đoàn Kim Quang		4.886	8.000	12.886	0,003%	28.081	0,006%
23	Đoàn Mỹ Quyên		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
24	Đoàn Quốc Dũng		-	6.000	6.000	0,002%	6.000	0,001%
25	Đoàn Thị Hồng		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
26	Đoàn Thị Thu Liên		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
27	Đổng Sơn Hiệp		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
28	Dương Tấn Vinh		26.036	8.000	34.036	0,009%	133.326	0,027%
29	Đường Thị Dung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
30	Dương Thị Kim Thoa		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
31	Dương Thị Thu Thủy		10.400	8.000	18.400	0,005%	58.400	0,012%
32	Dương Thị Thu Trâm		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
33	Hà Đức Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
34	Hà Linh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
35	Hà Phước Phương		721	5.000	5.721	0,001%	8.497	0,002%
36	Hà Văn Sơn Tuấn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
37	Hồ Lê Công Uyên		-	8.000	8.000	0,002%	8.500	0,002%
38	Hồ Thị Bích Thảo		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
39	Hồ Thị Ngọc Hà		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
40	Hồ Văn Trung		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
41	Hoàng Anh Tuấn		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
42	Hoàng Đình Phương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
43	Hoàng Khôi		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
44	Hoàng Thị Mỹ		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
45	Hoàng Thị Như Huyền		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
46	Hứa Khánh Vân		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
47	Huỳnh Bích Ngọc		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
48	Huỳnh Hữu Phương Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
49	Huỳnh Lư Nhấn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
50	Huỳnh Ngọc Loan		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
51	Huỳnh Tấn Tường		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
52	Huỳnh Thế Đức		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
53	Huỳnh Thị Kiều Giang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
54	Huỳnh Tuấn Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
55	Huỳnh Văn Lộc		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
56	Khuất Hoàng Thiên Trâm		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
57	Khương Thủy Ngự		572	5.000	5.572	0,001%	7.372	0,002%
58	Kiều Thị Thu Hương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
59	La Thị Quỳnh Lê		2.239	5.000	7.239	0,002%	15.853	0,003%
60	Lâm Chí Khái		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
61	Lâm Đức Duy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
62	Lâm Nguyễn Thúy Vy		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
63	Lê Bửu Quyển		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
64	Lê Đình Châu		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
65	Lê Đình Thi		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
66	Lê Đình Thuận		-	8.000	8.000	0,002%	8.041	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
67	Lê Duy Tuấn		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
68	Lê Hoàng Mỹ Thanh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
69	Lê Hoàng Phương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
70	Lê Kiều Mỹ Duyên		-	4.000	4.000	0,001%	4.400	0,001%
71	Lê Minh Thư		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
72	Lê Ngọc Bửu Khoa		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
73	Lê Ngọc Minh Trang		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
74	Lê Nhân Hiến		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
75	Lê Phước Thành		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
76	Lê Quang Dũng		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
77	Lê Quang Hòa		-	4.000	4.000	0,001%	5.100	0,001%
78	Lê Tấn Phước		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
79	Lê Tấn Thắng		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
80	Lê Thảo Trâm		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
81	Lê Thị Cẩm Tú		-	5.200	5.200	0,001%	5.200	0,001%
82	Lê Thị Hồng Em		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
83	Lê Thị Hồng Hạnh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
84	Lê Thị Hồng Vân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
85	Lê Thị Khánh Ly		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
86	Lê Thị Kim Vương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
87	Lê Thị Mỹ Tiên		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
88	Lê Thị Thúy Hằng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
89	Lê Thị Tình		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
90	Lê Thị Trà Giang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
91	Lương Anh Tú		-	8.000	8.000	0,002%	9.500	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
92	Lương Thị Thu Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
93	Lưu Anh Dũng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
94	Lưu Bích Thanh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
95	Lưu Tuyết Ngân		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
96	Lưu Văn Thuyết		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
97	Lý Bửu		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
98	Mai Hoàng Minh Châu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
99	Mai Thị Nhung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
100	Mai Thị Phương Lan		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
101	Mai Tùng Quân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
102	Nghị Hoài Bảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
103	Nghiêm Xuân An		270	8.000	8.270	0,002%	9.310	0,002%
104	Ngô Tấn Trung		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
105	Ngô Thảo Trinh		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
106	Ngô Thị Kim Ngân		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
107	Ngô Thị Ngọc Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
108	Ngũ Thành Vinh		736	8.000	8.736	0,002%	19.570	0,004%
109	Nguyễn Anh Thi		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
110	Nguyễn Anh Tuấn		-	8.000	8.000	0,002%	8.010	0,002%
111	Nguyễn Bảo Toàn		598	4.000	4.598	0,001%	8.900	0,002%
112	Nguyễn Cảnh Cường		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
113	Nguyễn Châu Diệu Ân		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
114	Nguyễn Đăng Khoa		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
115	Nguyễn Đoàn Phương Uy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
116	Nguyễn Đức Đô		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
117	Nguyễn Đức Tuấn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
118	Nguyễn Hàng Mỹ Ái		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
119	Nguyễn Hoài Nam		-	1.000	1.000	0,000%	1.105	0,000%
120	Nguyễn Hoài Thanh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
121	Nguyễn Hoàng Thịnh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
122	Nguyễn Hoàng Vĩnh Viễn		-	45.000	45.000	0,012%	45.000	0,009%
123	Nguyễn Hồng Hải Đăng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
124	Nguyễn Hồng Phương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
125	Nguyễn Hồng Trinh		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
126	Nguyễn Hữu Vũ Thành		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
127	Nguyễn Huy Cường		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
128	Nguyễn Khắc Thu		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
129	Nguyễn Lượng Sáng		-	2.000	2.000	0,001%	2.500	0,001%
130	Nguyễn Minh Thùy		624	2.000	2.624	0,001%	5.024	0,001%
131	Nguyễn Ngọc Ánh		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
132	Nguyễn Ngọc Lan Phương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
133	Nguyễn Ngọc Thảo		3.797	5.000	8.797	0,002%	23.402	0,005%
134	Nguyễn Phạm Anh Duy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
135	Nguyễn Phúc Kim		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
136	Nguyễn Quang Phúc		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
137	Nguyễn Quế Anh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
138	Nguyễn Quốc Toàn		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
139	Nguyễn Sơn Huỳnh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
140	Nguyễn Tấn Duy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
141	Nguyễn Thành Đạt		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
142	Nguyễn Thanh Hương		-	135.000	135.000	0,035%	135.000	0,028%
143	Nguyễn Thanh Nga		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
144	Nguyễn Thanh Tâm		300	8.000	8.300	0,002%	9.464	0,002%
145	Nguyễn Thanh Tùng		-	50.000	50.000	0,013%	50.000	0,010%
146	Nguyễn Thị Ánh Dương		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
147	Nguyễn Thị Anh Vĩ		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
148	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		323	8.000	8.323	0,002%	29.766	0,006%
149	Nguyễn Thị Bích Chi		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
150	Nguyễn Thị Bích Hằng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
151	Nguyễn Thị Cẩm Thảo		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
152	Nguyễn Thị Giáng Thu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
153	Nguyễn Thị Hằng		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
154	Nguyễn Thị Hoàng Yến		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
155	Nguyễn Thị Hồng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
156	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
157	Nguyễn Thị Hường		1.584	8.000	9.584	0,002%	15.679	0,003%
158	Nguyễn Thị Kiều Diễm		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
159	Nguyễn Thị Lệ Hải		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
160	Nguyễn Thị Lệ Ngân		-	7.000	7.000	0,002%	7.300	0,002%
161	Nguyễn Thị Loan		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
162	Nguyễn Thị Mai		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
163	Nguyễn Thị Mai Trinh		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
164	Nguyễn Thị Minh Trân		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
165	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
166	Nguyễn Thị Ngọc Nga		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
167	Nguyễn Thị Ngọc Nhung		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
168	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
169	Nguyễn Thị Như Hoàng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
170	Nguyễn Thị Phượng		5.117	45.000	50.117	0,013%	69.801	0,014%
171	Nguyễn Thị Phương Hà		234	4.000	4.234	0,001%	5.134	0,001%
172	Nguyễn Thị Phương Kiều		241	2.000	2.241	0,001%	2.971	0,001%
173	Nguyễn Thị Phương Nghi		650	4.000	4.650	0,001%	7.650	0,002%
174	Nguyễn Thị Thanh Dung		-	4.000	4.000	0,001%	6.000	0,001%
175	Nguyễn Thị Thanh Lan		-	4.000	4.000	0,001%	4.300	0,001%
176	Nguyễn Thị Thanh Thảo		13.395	8.000	21.395	0,006%	72.919	0,015%
177	Nguyễn Thị Thảo Trinh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
178	Nguyễn Thị Thu Thủy		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
179	Nguyễn Thị Thuận		2.359	8.000	10.359	0,003%	19.433	0,004%
180	Nguyễn Thị Thùy Linh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
181	Nguyễn Thị Thùy Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
182	Nguyễn Thị Ý Nhi		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
183	Nguyễn Thùy Dương		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
184	Nguyễn Thụy Hoài Hương		703	8.000	8.703	0,002%	11.407	0,002%
185	Nguyễn Thùy Ngân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
186	Nguyễn Trọng Hải		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
187	Nguyễn Trọng Hiếu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
188	Nguyễn Trung Nam		707	8.000	8.707	0,002%	14.429	0,003%
189	Nguyễn Văn Nhân		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
190	Nguyễn Văn Tâm		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
191	Nguyễn Viết Cường		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
192	Nguyễn Viết Khánh		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
193	Nguyễn Viết Quốc		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
194	Phạm Hồng Đạt		-	4.000	4.000	0,001%	4.500	0,001%
195	Phạm Khánh Cẩm Nhung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
196	Phạm Ngọc Thủy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
197	Phạm Thanh Nguyệt		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
198	Phạm Thị Hồng Lợi		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
199	Phạm Thị Huyền Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
200	Phạm Thị Mai Linh		78	1.000	1.078	0,000%	1.400	0,000%
201	Phạm Thị Minh Kha		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
202	Phạm Thị Tố Sương		2.900	10.000	12.900	0,003%	24.057	0,005%
203	Phạm Thị Xuân		-	8.000	8.000	0,002%	9.000	0,002%
204	Phạm Trung Quân		626	8.000	8.626	0,002%	11.036	0,002%
205	Phạm Tuấn Việt		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
206	Phạm Văn Hường		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
207	Phan Đình Diệu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
208	Phan Thanh Triều		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
209	Phan Thị Hiền		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
210	Trần Đỗ Quốc Trung		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
211	Trần Đoàn Khánh Ly		-	8.000	8.000	0,002%	8.007	0,002%
212	Trần Đức Quang		615	8.000	8.615	0,002%	10.983	0,002%
213	Trần Minh Hiếu		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
214	Trần Minh Ngọc Thu		-	50.000	50.000	0,013%	50.000	0,010%
215	Trần Ngọc Kim Trúc		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
216	Trần Nguyễn Phương Trâm		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
217	Trần Nguyễn Thiên Ngân		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
218	Trần Quốc Thắng		2.394	8.000	10.394	0,003%	19.604	0,004%
219	Trần Tấn Phú		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
220	Trần Thanh Phong		4.077.775	1.108.643	5.186.418	1,347%	20.870.168	4,301%
221	Trần Thảo Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
222	Trần Thị Diệu Thúy		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
223	Trần Thị Hải Đường		7.410	12.000	19.410	0,005%	43.910	0,009%
224	Trần Thị Ngọc Oanh		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
225	Trần Thị Phước Hằng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
226	Trần Thị Thanh Trâm		2.506	5.000	7.506	0,002%	17.148	0,004%
227	Trần Thị Thu Thủy		-	18.000	18.000	0,005%	18.000	0,004%
228	Trần Thị Thùy Trang		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
229	Trần Thị Tuấn Tú		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
230	Trần Thiên Lý		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
231	Trần Thu Hằng		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
232	Trần Trọng Khôi		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
233	Trần Văn Hà		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
234	Trần Văn Nhã		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
235	Trần Văn Thị		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
236	Trần Văn Toàn		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
237	Trần Vĩnh Kim Long		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
238	Trần Xuân Thúy Vi		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
239	Trịnh Thị Hiền		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
240	Trương Công Nghĩa		1.758	8.000	9.758	0,003%	16.523	0,003%
241	Trương Quang Định		-	3.000	3.000	0,001%	3.000	0,001%
242	Trương Thanh Tùng		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
243	Trương Thị Ngọc Tuyết		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
244	Trương Trúc Ny		-	2.500	2.500	0,001%	2.500	0,001%
245	Từ Minh Trang		-	5.000	5.000	0,001%	5.000	0,001%
246	Võ Đăng Quang		832	8.000	8.832	0,002%	8.832	0,002%
247	Võ Hoài Vũ		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
248	Võ Thùy Bảo Ngân		-	2.000	2.000	0,001%	2.000	0,000%
249	Võ Văn Anh Khoa		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
250	Vũ Thị Hoài		-	8.000	8.000	0,002%	8.600	0,002%
251	Vũ Thị Huệ		-	1.000	1.000	0,000%	1.000	0,000%
252	Vũ Thị Mỹ Hạnh		120.000	24.000	144.000	0,037%	144.000	0,030%
253	Vũ Thị Thu Hà		-	8.000	8.000	0,002%	8.000	0,002%
254	Vũ Thiện Phú		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
255	Vương Bảo Long		-	4.000	4.000	0,001%	4.000	0,001%
II	Người có liên quan của Nhà đầu tư được phân phối lại							
1	Ngô Thị Ngọc Liễu		0	0	0	0,000%	700.000	0,144%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
2	Cao Duy Thông		520.000	0	520.000	0,135%	1.820.003	0,375%
3	Trần Trương Đoan Thục		42.833	0	42.833	0,011%	207.577	0,043%
4	Kenneth Michael Atkinson		5.610	0	5.610	0,001%	27.190	0,006%
5	Chad Ryan Ovel		13.000	0	13.000	0,003%	63.000	0,013%
III	Thông tin của Nhà đầu tư được phân phối lại và Người có liên quan trong đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất							
1	Nguyễn Thụy Hoài Hương		2.704			0,001%		0,001%
2	Trần Đức Quang		1.161			0,000%		0,000%
3	Trần Thị Thanh Trâm		2.410			0,001%		0,000%
4	Trần Quốc Thắng		9.210			0,002%		0,002%
5	Nguyễn Trung Nam		2.722			0,001%		0,001%
6	La Thị Quỳnh Lê		2.722			0,001%		0,001%
7	Nguyễn Thanh Tâm		1.161			0,000%		0,000%
8	Phạm Trung Quân		2.410			0,001%		0,000%
9	Nguyễn Thị Thuận		2.722			0,001%		0,001%
10	Nguyễn Anh Tuấn		11.352			0,003%		0,002%
11	Nguyễn Thị Hường		6.095			0,002%		0,001%
12	Nguyễn Ngọc Thảo		1.161			0,000%		0,000%
13	Đào Lê Vân		2.722			0,001%		0,001%
14	Trần Thị Hải Đường		3.865			0,001%		0,001%
15	Ngũ Thành Vinh		2.722			0,001%		0,001%
16	Dương Tấn Vinh		15.383			0,004%		0,003%
17	Trương Công Nghĩa		6.765			0,002%		0,001%

STT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD	Số CP được chào bán trong đợt này			Tỷ lệ chào bán đợt này/ vốn điều lệ hiện tại (3.850.753.040.000 đồng tương ứng 385.075.304 CP)	Số lượng CP sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (4.850.973.830.000 đồng tương ứng 485.097.383 CP)
			Số CP thực hiện quyền mua	Số CP được phân phối lại	Tổng số CP được phân phối			
18	Nguyễn Thị Thanh Thảo		7.657			0,002%		0,002%
19	Nguyễn Thị Phương		19.635			0,005%		0,004%
20	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		1.195			0,000%		0,000%
21	Cao Tấn Thạch		8.680			0,002%		0,002%
	Tổng cộng		10.261.883	2.916.643	13.064.072	3,422%	34.705.144	7,176%

(Red curved line)

**NAM LONG INVESTMENT
CORPORATION**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No. 161 / 2025 / CN / NLG

Ho Chi Minh City, 22 Dec 2025

REPORT

Results of the public offering of shares

(pursuant to the Certificate of Registration for Additional Public Offering of Shares No. 336/GCN-UBCK dated September 30, 2025, issued by the Chairman of the State Securities Commission)

To: The State Securities Commission

I. INTRODUCTION OF THE ISSUER

1. Name of the Issuer: Nam Long Investment Corporation
2. Abbreviated name: NLG CORP.
3. Head office: No. 6 Nguyen Khac Vien, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
4. Tel: (028) 5416 1718 Fax: (028) 5417 1819
Website: www.namlongvn.com
5. Charter capital: VND 3,850,753,040,000 *(Three thousand eight hundred and fifty billion seven hundred and fifty-three million zero hundred and forty thousand Vietnamese dong).*
6. Ticker: NLG
7. Current account opened at: Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) – Tan Sai Gon Branch
Account number: 1168796879
8. Enterprise Registration Certificate No. 0301438936, first issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 27, 2005, amended for the 28th time on October 08, 2025.
 - Main business activities:
 - Real estate business, including the rights to use land owned, leased, or rented – Industry code: 6810
 - Main products/services: Real estate business
9. Establishment and operation license: None

II. OFFERING PLAN

1. Stock name: Shares of Nam Long Investment Corporation
2. Stock type: Common shares
3. Number of shares offered: 100,119,579 shares, of which:
 - Number of shares offered by the Issuer: 100,119,579 shares;
 - Number of shares offered by shareholders/owners/members: None.
4. Offering price: VND 25,000 / share.
5. Total capital expected to be raised: VND 2,502,989,475,000, of which:
 - Capital expected to be raised by the Issuer: VND 2,502,989,475,000;
 - Capital expected to be raised by the shareholders/owners/members: None.
6. Distribution method: Offered to existing shareholders through pre-emptive rights in accordance with the detailed plan in the Prospectus. The exercise ratio is 100:26 (as of the record date, one share entitles the shareholder to one right, and 100 rights allow the purchase of 26 new shares).
7. Time period for registration and payment:
 - Time period for registration and payment for subscription of shares by existing shareholders and transferees of rights from existing shareholders: from October 27, 2025 to November 17, 2025;
 - Time period for payment for subscription of odd shares, shares that investors did not register to buy or pay for subscription ("**Shares To Be Distributed**"): from December 15, 2025 to December 18, 2025.
8. Completion date of the offering: December 18, 2025
9. Expected date of share transfer: Expected in Quarter 4/2025 – Quarter 1/2026, after the Company completes the adjustment of information on the number of securities registered at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and changes the registration of listing at the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) to record the number of additional shares.

III. RESULTS OF THE PUBLIC OFFERING OF SHARES

Type of investors	Offering price (VND/ share)	Number of shares offered for sale	Number of shares registered for subscription	Number of shares distributed	Number of investors registered to buy	Number of distributed investors	Number of investors not distributed	Remaining shares	Proportion of shares distributed
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Public offering of shares	25,000	100,119,579	97,105,436	97,105,436	11,698	11,698	0	3,014,143	96,99%
2. Handling of undistributed stocks ^(*)	25,000	3,014,143	3,014,143	2,916,643	282	255	27	97,500	2,91%
Total		100,119,579	100,119,579	100,022,079	11,980	11,953	27	97,500	99,90%
1. Domestic investors	25,000	53,813,399	55,281,912 (1)	55,184,412	11,785	11,758	27	(1,371,013) (2)	55,12%
2. Foreign investors and economic organizations with foreign investors holding more than 50% of charter capital	25,000	46,306,180	44,837,667	44,837,667	195	195	0	1,468,513	44,78%
Total		100,119,579	100,119,579	100,022,079	11,980	11,953	27	97,500	99,90%

(1) and (2) The number of shares registered for purchase by domestic investors was 55,281,912 shares, exceeding the number of offered shares by 1,371,013 shares, due to the following reasons:

- The number of shares reallocated to domestic investors as foreign investors did not exercise their purchase rights: 1,468,513 shares;
- The number of shares reallocated to domestic investors which were not exercised by domestic investors: 97,500 shares.

(*) The number of shares that the investors did not register, did not pay for subscription, the number of odd shares ("**Shares To Be Distributed**") were redistributed according to Resolutions of the Board of Directors No. 48a/2025/NQ/HDQT/NLG dated December 12, 2025 approving the results of registration, payment for subscription of shares and the handling of the undistributed shares in the public offering of shares. The List of investors who paid for subscription of the Shares To Be Distributed is presented in the attached Appendix.

- In case of underwriting, state the results of distribution of shares to the underwriter as committed in the contract (*quantity, price, in case of a combination of guarantee, state for each organization*): There is no underwriting.
- In case of distribution of the remaining shares to one or several specified investors:
Information on (i) the number of shares, the ratio offered to each investor and their related persons on the charter capital in this offering and in the offerings and issuances in the last 12 months and (ii) the ownership ratio of each investor and their related persons after the offering are stated in the List of investors who paid for subscription of odd shares and undistributed shares in the rights issue in the attached Appendix.

IV. CONSOLIDATED RESULTS OF THE PUBLIC OFFERING OF SHARES

1. Total number of shares distributed: 100,022,079 shares, corresponding to 99.9% of the total number of shares offered, of which:
 - Number of shares of the issuer: 100,022,079 shares;
 - Number of shares of shareholders/owners/members: None.
2. Total proceeds from the offering: VND 2,500,661,513,039 (**), of which:
 - Total amount of the issuer: VND 2,500,661,513,039;
 - Total amount of shareholders/owners/members: None.

(**) According to the Certificate of cash balance in the escrow account issued by the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) – Ho Chi Minh City Branch on December....., 2025, the cash balance at the end of the completion date of the offering is VND 2,500,661,513,039, including the following amounts:

Cash balance at the end of the completion date of the offering (end of December 18, 2025)	(1)	VND 2,500,661,513,039
Initial balance at the end of the day immediately preceding the start date of payment period for subscription (end of October 26, 2025)	(2)	VND 0
Bank interest incurred during the period of payment for subscription (from October 27, 2025 to December 18, 2025)	(3)	VND 16,849,057
The amount of money that shareholders invalidly registered and paid for subscription (The Company will refund when the escrow account is released)	(4)	VND 93,850,000
Proceeds from the offering	(5)=(1)-(2)-(3)-(4)	VND 2,500,550,813,982

3. Total cost: VND 964,700,000

- Underwriting fee: None
- Share distribution fee: None
- Audit fee: VND 43,200,000.
- Consulting fee for registration dossier for additional public offering of shares: VND 880,000,000.
- Fee for issuance of the Certificate of Registration for Additional Public Offering of Shares: VND 25,000,000.
- Fee for finalizing the list of shareholders: VND 15,400,000.
- Bank transfer fees incurred when VSDC transfers funds into the escrow account for receiving share subscription proceeds: VND 1,100,000.

(The above costs are inclusive of VAT)

4. Total net proceeds from the offering: VND 2,499,586,113,982

V. CAPITAL STRUCTURE OF THE ISSUER AFTER THE OFFERING

1. Capital structure

No.	Category	Number of shareholders	Number of shares owned	Value of shares owned at par value	Ownership Ratio
I	Domestic and foreign shareholders				
1	Domestic	23,411	266,049,615	2,660,496,150,000	54.84%
1.1	State	-	-	-	-
1.2	Organization	102	86,414,233	864,142,330,000	17.81%
1.3	Individual	23,309	179,635,382	1,796,353,820,000	37.03%
2	Foreign	292	219,047,768	2,190,477,680,000	45.16%
2.1	Foreign organizations and economic organizations with foreign investors holding more than 50% of charter capital	134	216,736,466	2,167,364,660,000	44.68%
2.2	Individual	158	2,311,302	23,113,020,000	0.48%
	Total (1+2)	23,703	485,097,383	4,850,973,830,000	100%
II	Founding shareholders, major shareholders, other shareholders				
1	Major shareholders	1	38,150,588	381,505,880,000	7.86%
2	Shareholders holding less than 5% of voting shares	23,702	446,946,795	4,469,467,950,000	92.14%
	Total (2 + 3)	23,703	485,097,383	4,850,973,830,000	100%

2. List and percentage of ownership of major shareholders

TT	Shareholder Name	Citizen identity card	Number of shares owned	Ownership Ratio
1	Nguyễn Xuân Quang		38,150,588	7.86%

VI. ENCLOSED DOCUMENTS

1. Confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) – Ho Chi Minh City Branch where the escrow account is opened on the proceeds from the offering;
2. Resolutions of the Board of Directors No. 48a/2025/NQ/HDQT/NLG dated December 12, 2025 approving the results of registration, payment for subscription of shares and the handling of the undistributed shares in the public offering of shares;
3. Resolutions of the Board of Directors No. 49 /2025/NQ/HDQT/NLG dated 22nd Dec 2025 approving the Report on the results of the rights issue.

Recipients:

- Same as To section;
- BOD Office for archival.

Ho Chi Minh City, 22nd Dec. 2025

NAM LONG INVESTMENT CORPORATION
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



NGUYEN XUAN QUANG

APPENDIX

LIST OF INVESTORS WHO PAID FOR SUBSCRIPTION OF ODD SHARES AND UNDISTRIBUTED SHARES IN THE RIGHTS ISSUE

(Attached to BOD Resolutions No. 49/2025/NQ/HĐQT/NLG dated 22/12/2025 approving the Report on the results of the rights issue)

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
I	Redistributed Investors							
1	Bồ Trọng Nhân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
2	Bùi Quý Trung		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
3	Bùi Thị Minh Ngọc		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
4	Bùi Thị Tuyết Nga		-	4,000	4,000	0.001%	5,500	0.001%
5	Cao Duy Tuấn		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
6	Cao Tấn Thạch		857,185	225,000	1,082,185	0.281%	4,379,054	0.903%
7	Cao Thị Đan Trinh		-	1,300	1,300	0.000%	1,300	0.000%
8	Cao Trần Hoàng Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
9	Chữ Ngọc Đông		4,411,242	50,000	4,461,242	1.159%	4,461,242	0.919%
10	Đàm Trung Hiếu		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
11	Đặng Kỳ Minh		-	4,000	4,000	0.001%	4,526	0.001%
12	Đặng Tấn Hồng Việt		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
13	Đặng Thị Thương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
14	Đặng Thị Thùy Giang		-	4,000	4,000	0.001%	11,900	0.002%
15	Đào Lê Văn		4,172	5,000	9,172	0.002%	25,232	0.005%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
16	Đào Thị Thu Hồng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
17	Đào Viên Hạnh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
18	Đinh Tấn Trăn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
19	Đinh Tuấn Khang		1	8,000	8,001	0.002%	8,008	0.002%
20	Đỗ Thị Như Khoa		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
21	Đỗ Thị Thanh Nga		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
22	Đoàn Kim Quang		4,886	8,000	12,886	0.003%	28,081	0.006%
23	Đoàn Mỹ Quyên		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
24	Đoàn Quốc Dũng		-	6,000	6,000	0.002%	6,000	0.001%
25	Đoàn Thị Hồng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
26	Đoàn Thị Thu Liên		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
27	Đồng Sơn Hiệp		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
28	Dương Tấn Vinh		26,036	8,000	34,036	0.009%	133,326	0.027%
29	Đường Thị Dung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
30	Dương Thị Kim Thoa		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
31	Dương Thị Thu Thủy		10,400	8,000	18,400	0.005%	58,400	0.012%
32	Dương Thị Thu Trâm		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
33	Hà Đức Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
34	Hà Linh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
35	Hà Phước Phương		721	5,000	5,721	0.001%	8,497	0.002%
36	Hà Văn Sơn Tuấn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
37	Hồ Lê Công Uyên		-	8,000	8,000	0.002%	8,500	0.002%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
38	Hồ Thị Bích Thảo		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
39	Hồ Thị Ngọc Hà		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
40	Hồ Văn Trung		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
41	Hoàng Anh Tuấn		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
42	Hoàng Đình Phương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
43	Hoàng Khôi		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
44	Hoàng Thị Mỹ		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
45	Hoàng Thị Như Huyền		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
46	Hứa Khánh Vân		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
47	Huỳnh Bích Ngọc		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
48	Huỳnh Hữu Phương Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
49	Huỳnh Lư Nhân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
50	Huỳnh Ngọc Loan		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
51	Huỳnh Tấn Tường		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
52	Huỳnh Thế Đức		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
53	Huỳnh Thị Kiều Giang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
54	Huỳnh Tuấn Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
55	Huỳnh Văn Lộc		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
56	Khuất Hoàng Thiên Trâm		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
57	Khương Thủy Ngự		572	5,000	5,572	0.001%	7,372	0.002%
58	Kiều Thị Thu Hương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
59	La Thị Quỳnh Lê		2,239	5,000	7,239	0.002%	15,853	0.003%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
60	Lâm Chí Khái		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
61	Lâm Đức Duy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
62	Lâm Nguyễn Thúy Vy		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
63	Lê Bửu Quyến		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
64	Lê Đình Châu		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
65	Lê Đình Thi		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
66	Lê Đình Thuận		-	8,000	8,000	0.002%	8,041	0.002%
67	Lê Duy Tuấn		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
68	Lê Hoàng Mỹ Thanh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
69	Lê Hoàng Phương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
70	Lê Kiều Mỹ Duyên		-	4,000	4,000	0.001%	4,400	0.001%
71	Lê Minh Thư		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
72	Lê Ngọc Bửu Khoa		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
73	Lê Ngọc Minh Trang		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
74	Lê Nhân Hiến		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
75	Lê Phước Thành		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
76	Lê Quang Dũng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
77	Lê Quang Hòa		-	4,000	4,000	0.001%	5,100	0.001%
78	Lê Tấn Phước		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
79	Lê Tấn Thắng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
80	Lê Thảo Trâm		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
81	Lê Thị Cẩm Tú		-	5,200	5,200	0.001%	5,200	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
82	Lê Thị Hồng Em		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
83	Lê Thị Hồng Hạnh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
84	Lê Thị Hồng Vân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
85	Lê Thị Khánh Ly		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
86	Lê Thị Kim Vương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
87	Lê Thị Mỹ Tiên		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
88	Lê Thị Thúy Hằng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
89	Lê Thị Tinh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
90	Lê Thị Trà Giang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
91	Lương Anh Tú		-	8,000	8,000	0.002%	9,500	0.002%
92	Lương Thị Thu Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
93	Lưu Anh Dũng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
94	Lưu Bích Thanh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
95	Lưu Tuyết Ngân		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
96	Lưu Văn Thuyết		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
97	Lý Bửu		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
98	Mai Hoàng Minh Châu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
99	Mai Thị Nhung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
100	Mai Thị Phương Lan		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
101	Mai Tùng Quân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
102	Nghị Hoài Bảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
103	Nghiêm Xuân An		270	8,000	8,270	0.002%	9,310	0.002%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
104	Ngô Tấn Trung		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
105	Ngô Thảo Trinh		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
106	Ngô Thị Kim Ngân		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
107	Ngô Thị Ngọc Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
108	Ngũ Thành Vinh		736	8,000	8,736	0.002%	19,570	0.004%
109	Nguyễn Anh Thi		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
110	Nguyễn Anh Tuấn		-	8,000	8,000	0.002%	8,010	0.002%
111	Nguyễn Bảo Toàn		598	4,000	4,598	0.001%	8,900	0.002%
112	Nguyễn Cảnh Cường		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
113	Nguyễn Châu Diệu Ân		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
114	Nguyễn Đăng Khoa		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
115	Nguyễn Đoàn Phương Uyên		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
116	Nguyễn Đức Đô		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
117	Nguyễn Đức Tuấn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
118	Nguyễn Hàng Mỹ Ái		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
119	Nguyễn Hoài Nam		-	1,000	1,000	0.000%	1,105	0.000%
120	Nguyễn Hoài Thanh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
121	Nguyễn Hoàng Thịnh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
122	Nguyễn Hoàng Vĩnh Viễn		-	45,000	45,000	0.012%	45,000	0.009%
123	Nguyễn Hồng Hải Đăng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
124	Nguyễn Hồng Phượng		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
125	Nguyễn Hồng Trinh		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
126	Nguyễn Hữu Vũ Thành		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
127	Nguyễn Huy Cường		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
128	Nguyễn Khắc Thu		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
129	Nguyễn Lượng Sáng		-	2,000	2,000	0.001%	2,500	0.001%
130	Nguyễn Minh Thùy		624	2,000	2,624	0.001%	5,024	0.001%
131	Nguyễn Ngọc Ánh		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
132	Nguyễn Ngọc Lan Phương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
133	Nguyễn Ngọc Thảo		3,797	5,000	8,797	0.002%	23,402	0.005%
134	Nguyễn Phạm Anh Duy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
135	Nguyễn Phúc Kim		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
136	Nguyễn Quang Phúc		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
137	Nguyễn Quế Anh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
138	Nguyễn Quốc Toàn		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
139	Nguyễn Sơn Huỳnh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
140	Nguyễn Tấn Duy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
141	Nguyễn Thành Đạt		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
142	Nguyễn Thanh Hương		-	135,000	135,000	0.035%	135,000	0.028%
143	Nguyễn Thanh Nga		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
144	Nguyễn Thanh Tâm		300	8,000	8,300	0.002%	9,464	0.002%
145	Nguyễn Thanh Tùng		-	50,000	50,000	0.013%	50,000	0.010%
146	Nguyễn Thị Ánh Dương		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
147	Nguyễn Thị Anh Vĩ		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
148	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		323	8,000	8,323	0.002%	29,766	0.006%
149	Nguyễn Thị Bích Chi		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
150	Nguyễn Thị Bích Hằng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
151	Nguyễn Thị Cẩm Thảo		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
152	Nguyễn Thị Giáng Thu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
153	Nguyễn Thị Hằng		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
154	Nguyễn Thị Hoàng Yến		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
155	Nguyễn Thị Hồng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
156	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
157	Nguyễn Thị Hường		1,584	8,000	9,584	0.002%	15,679	0.003%
158	Nguyễn Thị Kiều Diễm		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
159	Nguyễn Thị Lệ Hải		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
160	Nguyễn Thị Lệ Ngân		-	7,000	7,000	0.002%	7,300	0.002%
161	Nguyễn Thị Loan		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
162	Nguyễn Thị Mai		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
163	Nguyễn Thị Mai Trinh		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
164	Nguyễn Thị Minh Trân		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
165	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
166	Nguyễn Thị Ngọc Nga		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
167	Nguyễn Thị Ngọc Nhung		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
168	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
169	Nguyễn Thị Như Hoàng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
170	Nguyễn Thị Phương		5,117	45,000	50,117	0.013%	69,801	0.014%
171	Nguyễn Thị Phương Hà		234	4,000	4,234	0.001%	5,134	0.001%
172	Nguyễn Thị Phương Kiều		241	2,000	2,241	0.001%	2,971	0.001%
173	Nguyễn Thị Phương Nghi		650	4,000	4,650	0.001%	7,650	0.002%
174	Nguyễn Thị Thanh Dung		-	4,000	4,000	0.001%	6,000	0.001%
175	Nguyễn Thị Thanh Lan		-	4,000	4,000	0.001%	4,300	0.001%
176	Nguyễn Thị Thanh Thảo		13,395	8,000	21,395	0.006%	72,919	0.015%
177	Nguyễn Thị Thảo Trinh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
178	Nguyễn Thị Thu Thủy		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
179	Nguyễn Thị Thuận		2,359	8,000	10,359	0.003%	19,433	0.004%
180	Nguyễn Thị Thùy Linh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
181	Nguyễn Thị Thùy Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
182	Nguyễn Thị Ý Nhi		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
183	Nguyễn Thùy Dương		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
184	Nguyễn Thùy Hoài Hương		703	8,000	8,703	0.002%	11,407	0.002%
185	Nguyễn Thùy Ngân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
186	Nguyễn Trọng Hải		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
187	Nguyễn Trọng Hiếu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
188	Nguyễn Trung Nam		707	8,000	8,707	0.002%	14,429	0.003%
189	Nguyễn Văn Nhân		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
190	Nguyễn Văn Tâm		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
191	Nguyễn Viết Cường		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
192	Nguyễn Viết Khánh		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
193	Nguyễn Viết Quốc		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
194	Phạm Hồng Đạt		-	4,000	4,000	0.001%	4,500	0.001%
195	Phạm Khánh Cẩm Nhung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
196	Phạm Ngọc Thủy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
197	Phạm Thanh Nguyệt		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
198	Phạm Thị Hồng Lợi		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
199	Phạm Thị Huyền Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
200	Phạm Thị Mai Linh		78	1,000	1,078	0.000%	1,400	0.000%
201	Phạm Thị Minh Kha		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
202	Phạm Thị Tố Sương		2,900	10,000	12,900	0.003%	24,057	0.005%
203	Phạm Thị Xuân		-	8,000	8,000	0.002%	9,000	0.002%
204	Phạm Trung Quân		626	8,000	8,626	0.002%	11,036	0.002%
205	Phạm Tuấn Việt		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
206	Phạm Văn Hường		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
207	Phan Đình Diệu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
208	Phan Thanh Triều		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
209	Phan Thị Hiền		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
210	Trần Đỗ Quốc Trung		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
211	Trần Đoàn Khánh Ly		-	8,000	8,000	0.002%	8,007	0.002%
212	Trần Đức Quang		615	8,000	8,615	0.002%	10,983	0.002%
213	Trần Minh Hiếu		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
214	Trần Minh Ngọc Thu		-	50,000	50,000	0.013%	50,000	0.010%
215	Trần Ngọc Kim Trúc		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
216	Trần Nguyễn Phương Trâm		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
217	Trần Nguyễn Thiên Ngân		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
218	Trần Quốc Thắng		2,394	8,000	10,394	0.003%	19,604	0.004%
219	Trần Tấn Phú		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
220	Trần Thanh Phong		4,077,775	1,108,643	5,186,418	1.347%	20,870,168	4.301%
221	Trần Thảo Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
222	Trần Thị Diệu Thúy		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
223	Trần Thị Hải Đường		7,410	12,000	19,410	0.005%	43,910	0.009%
224	Trần Thị Ngọc Oanh		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
225	Trần Thị Phước Hằng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
226	Trần Thị Thanh Trâm		2,506	5,000	7,506	0.002%	17,148	0.004%
227	Trần Thị Thu Thủy		-	18,000	18,000	0.005%	18,000	0.004%
228	Trần Thị Thùy Trang		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
229	Trần Thị Tuấn Tú		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
230	Trần Thiên Lý		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
231	Trần Thu Hằng		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
232	Trần Trọng Khôi		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
233	Trần Văn Hà		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
234	Trần Văn Nhã		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
235	Trần Văn Thị		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
236	Trần Văn Toàn		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
237	Trần Vĩnh Kim Long		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
238	Trần Xuân Thúy Vi		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
239	Trịnh Thị Hiền		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
240	Trương Công Nghĩa		1,758	8,000	9,758	0.003%	16,523	0.003%
241	Trương Quang Định		-	3,000	3,000	0.001%	3,000	0.001%
242	Trương Thanh Tùng		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
243	Trương Thị Ngọc Tuyết		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
244	Trương Trúc Ný		-	2,500	2,500	0.001%	2,500	0.001%
245	Từ Minh Trang		-	5,000	5,000	0.001%	5,000	0.001%
246	Võ Đăng Quang		832	8,000	8,832	0.002%	8,832	0.002%
247	Võ Hoài Vũ		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
248	Võ Thùy Bảo Ngân		-	2,000	2,000	0.001%	2,000	0.000%
249	Võ Văn Anh Khoa		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
250	Vũ Thị Hoài		-	8,000	8,000	0.002%	8,600	0.002%
251	Vũ Thị Huệ		-	1,000	1,000	0.000%	1,000	0.000%
252	Vũ Thị Mỹ Hạnh		120,000	24,000	144,000	0.037%	144,000	0.030%
253	Vũ Thị Thu Hà		-	8,000	8,000	0.002%	8,000	0.002%
254	Vũ Thiện Phú		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
255	Vương Bảo Long		-	4,000	4,000	0.001%	4,000	0.001%
II	Related Persons of the Redistributed Investors							
1	Ngô Thị Ngọc Liễu		0	0	0	0.000%	700,000	0.144%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
2	Cao Duy Thông		520,000	0	520,000	0.135%	1,820,003	0.375%
3	Trần Trương Đoàn Thục		42,833	0	42,833	0.011%	207,577	0.043%
4	Kenneth Michael Atkinson		5,610	0	5,610	0.001%	27,190	0.006%
5	Chad Ryan Ovel		13,000	0	13,000	0.003%	63,000	0.013%
III Information of the Redistributed Investors and their Related Persons in the offerings or issuances in the last 12 months								
1	Nguyễn Thụy Hoài Hương		2,704			0.001%		0.001%
2	Trần Đức Quang		1,161			0.000%		0.000%
3	Trần Thị Thanh Trâm		2,410			0.001%		0.000%
4	Trần Quốc Thắng		9,210			0.002%		0.002%
5	Nguyễn Trung Nam		2,722			0.001%		0.001%
6	La Thị Quỳnh Lê		2,722			0.001%		0.001%
7	Nguyễn Thanh Tâm		1,161			0.000%		0.000%
8	Phạm Trung Quân		2,410			0.001%		0.000%
9	Nguyễn Thị Thuận		2,722			0.001%		0.001%
10	Nguyễn Anh Tuấn		11,352			0.003%		0.002%
11	Nguyễn Thị Hường		6,095			0.002%		0.001%
12	Nguyễn Ngọc Thảo		1,161			0.000%		0.000%
13	Đào Lê Vân		2,722			0.001%		0.001%
14	Trần Thị Hải Đường		3,865			0.001%		0.001%
15	Ngũ Thành Vinh		2,722			0.001%		0.001%
16	Dương Tấn Vinh		15,383			0.004%		0.003%
17	Trương Công Nghĩa		6,765			0.002%		0.001%

No.	Full name	Citizen ID Card number	Number of shares offered for sale in this tranche			Offering ratio of this tranche / current charter capital (VND 3,850,753,040,000 corresponding to 385,075,304 shares)	Number of shares owned after the offering	Ownership ratio after the offering on charter capital after the offering (VND 4,850,973,830,000 corresponding to 485,097,383 shares)
			Number of shares obtained by exercising the rights	Number of shares redistributed	Total number of shares distributed			
18	Nguyễn Thị Thanh Thảo		7,657			0.002%		0.002%
19	Nguyễn Thị Phương		19,635			0.005%		0.004%
20	Nguyễn Thị Bảo Khuyên		1,195			0.000%		0.000%
21	Cao Tấn Thạch		8,680			0.002%		0.002%
	Total		10,261,883	2,916,643	13,064,072	3.422%	34,705,144	7.176%

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NAM LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~192~~/2025/TB/NLG

TP.HCM, ngày 22. tháng 12. năm 2025

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long
- Mã chứng khoán: NLG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (028) 5416 1718
- Fax: (028) 5417 1819
- Website: www.namlongvn.com

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	3.850.753.040.000	1.000.220.790.000	4.850.973.830.000	Công ty phát hành thêm 100.022.079 cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ/ĐHĐCĐ/NLG ngày 19/3/2025.
2	Tổng số cổ phiếu	385.075.304	100.022.079	485.097.383	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	0	0	0	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	385.075.304	100.022.079	485.097.383	
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có)	0	0	0	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


Nguyễn Xuân Quang

**NAM LONG INVESTMENT
CORPORATION**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No. 192 /2025/TB/NLG

Ho Chi Minh City, 22nd Dec 2025

NOTICE OF CHANGE IN THE NUMBER OF VOTING SHARES

**To: Vietnam Stock Exchange
Hochiminh Stock Exchange**

- Entity name: Nam Long Investment Corporation
- Ticker symbol: NLG
- Head office address: No. 6 Nguyen Khac Vien, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Telephone No.: (028) 5416 1718
- Fax No.: (028) 5417 1819
- Website: www.namlongvn.com

No.	Content	Before the change	Change	After the change	Reason for change
1	Charter capital (VND)	3,850,753,040,000	1,000,220,790,000	4,850,973,830,000	The Company issued 100,022,079 shares by way of rights issue to existing shareholders, according to the plan approved by the General Meeting of Shareholders in the Resolutions of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ/DHDC D/NLG dated March 19, 2025.
2	Total shares	385,075,304	100,022,079	485,097,383	
3	Number of treasury shares	0	0	0	
4	Number of voting shares	385,075,304	100,022,079	485,097,383	
5	Number of other shares (if any)	0	0	0	

NAM LONG INVESTMENT CORPORATION
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Xuân Quang